

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Chương trình cuộc họp
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-DSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-DSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh (HĐQT), kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thảo luận và thông qua chương trình, nội dung cuộc họp như sau:

1. Thời gian: Ngày 21/4/2026.
2. Địa điểm: Số 02 Yersin, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
3. Chương trình và nội dung:

Stt	Th/gian	NỘI DUNG
	7 ^h 10	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông; - Đăng ký cổ đông, kiểm tra thủ tục và phát tài liệu.
		CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ CỦA CUỘC HỌP
1	7 ^h 25	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự; - Công bố Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông.
2	7 ^h 30	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
3	7 ^h 35	- Hướng dẫn cách thức biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp; - Giới thiệu Đoàn Chủ tọa; - Đoàn Chủ tọa cử Thư ký; - Bầu Ban kiểm phiếu.

4	7 ^h 45	Thảo luận và biểu quyết thông qua: - Chương trình nghị sự của cuộc họp; - Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2026; - Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ III (2026 - 2031).
5	7 ^h 50	- Công bố Đơn ứng cử, đề cử ứng viên bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ III (2026-2031).
6	7 ^h 55	- ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2026-2031).
7	8 ^h 10	Thảo luận và biểu quyết thông qua từng nội dung: - Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2025 và Kế hoạch năm 2026; - Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025; Phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2026; - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2025; - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2026; - Lao động, tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026; - Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BC tài chính 2026; - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đối với cổ đông là Tổng công ty ĐSVN; - Các vấn đề khác (nếu có).
8	8 ^h 25	- Đại diện lãnh đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phát biểu.
9	8 ^h 40	- Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT và BKS.
10	8 ^h 45	- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2026-2031) họp bầu Chủ tịch HĐQT; - Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2026-2031) họp bầu Thành viên chuyên trách BKS.
Nghỉ giải lao 10 phút		
11	8 ^h 55	- Công bố kết quả bầu cử Chủ tịch HĐQT; - Công bố kết quả bầu cử Thành viên chuyên trách BKS.
12	9 ^h 00	- Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết cuộc họp. - Thảo luận và biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết.
13	9 ^h 10	- Tổng kết, bế mạc.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-DSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-DSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông, thảo luận và thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (có dự thảo Quy chế kèm theo).

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang
Bùi Văn Quang

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được cổ đông ủy quyền tham dự cuộc họp (*đại diện cổ đông*), điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHDCĐ).
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự cuộc họp có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức họp được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ HỌP, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, CÁC BÊN THAM GIA

Điều 3. Điều kiện tham dự cuộc họp

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp: ngày 22/3/2026 (theo Quyết định số 36/QĐ-ĐSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

Điều 4. Quyền của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự họp

1. Có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc về thẩm quyền của ĐHDCĐ theo quy định của luật doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự họp.

3. Được Công ty thông báo công khai nội dung, chương trình họp.

4. Tại cuộc họp, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự họp được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử (trong đó ghi rõ mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết/tổng số quyền bầu) sau khi đăng ký tham dự họp với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự họp

1. Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp mang theo giấy tờ sau:

a) Thông báo mời họp;

b) Một trong các giấy tờ pháp lý: Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước công dân;

c) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp (Trường hợp được ủy quyền).

d) Cổ đông, đại diện cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông, đại diện cổ đông của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự họp không được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử tại cuộc họp.

3. Người được ủy quyền tham dự họp không được ủy quyền cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra cuộc họp, cổ đông, đại diện cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của cuộc họp, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

Điều 6. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa

1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa cuộc họp. Đoàn Chủ tịch bao gồm: Chủ tọa và có thể có các thành viên HĐQT Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được ĐHCĐ thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để cuộc họp diễn ra có trật tự; đúng quy định;

b) Hướng dẫn các cổ đông, đại diện cổ đông thảo luận tại cuộc họp;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHCĐ biểu quyết;

d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề trong chương trình do cổ đông/đại diện cổ đông yêu cầu.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch.

Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 7. Đoàn thư ký

1. Chủ tọa cử một số người vào Đoàn thư ký tại cuộc họp.
2. Đoàn thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, gồm:
 - a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung cuộc họp;
 - b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự cuộc họp

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự cuộc họp ĐHĐCD do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông, đại diện cổ đông đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật, Phát tài liệu cuộc họp, Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử; Báo cáo trước ĐHĐCD và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 9. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 05 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCD biểu quyết thông qua tại cuộc họp.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a) Hướng dẫn cổ đông tham dự cuộc họp cách sử dụng Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử; thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến, ngay sau khi ĐHĐCD biểu quyết; kiểm phiếu bầu cử và công khai kết quả bầu cử tại ĐHĐCD.
 - b) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết những vấn đề của cuộc họp.

Chương III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Điều kiện tiến hành cuộc họp

Cuộc họp ĐHĐCD được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại cuộc họp

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của cuộc họp, Chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự họp phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình cuộc họp đã thông qua.

3. Thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút, nếu quá thời lượng, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị bằng văn bản gửi cho Đoàn thư ký; Hội đồng quản trị sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của cuộc họp đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông, đại diện cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện hoặc bằng Phiếu bầu cử theo Quy chế bầu cử.

2. Cách thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Cổ đông, đại diện cổ đông thực hiện biểu quyết bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một số vấn đề được đưa ra biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

3. Cách thức biểu quyết bằng Phiếu bầu cử: Thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Nội dung biểu quyết, cụ thể:

- Chương trình nghị sự; Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ; Quy chế bầu cử; Bầu Ban Kiểm phiếu; Danh sách ứng cử, đề cử thành viên HDQT, BKS; Bầu cử thành viên HDQT, BKS;

- Các nội dung khác theo Chương trình họp.

4. Kết quả biểu quyết: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và kết quả kiểm phiếu bầu cử sẽ được thông báo trước cuộc họp và thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Điều 14. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

1. Các vấn đề trong chương trình cuộc họp được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, ngoại trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc biểu quyết bầu cử thành viên HDQT và BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031 thực hiện theo Quy chế bầu cử.

Điều 15. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký cuộc họp lưu giữ tại Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.
3. Các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua, Thư ký cuộc họp phải tổng hợp và đưa vào dự thảo Nghị quyết cuộc họp. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Chương IV**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 16. Điều khoản thi hành.**

1. Quy chế này gồm có 4 Chương 16 Điều, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào ngày 21 tháng 4 năm 2026 và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
2. Đoàn Chủ tịch chịu trách nhiệm điều hành cuộc họp theo Quy chế này.
3. Các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này./.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**



Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và
Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2026 - 2031)**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-ĐSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông, thảo luận và thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2026 - 2031), có dự thảo Quy chế kèm theo.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ III (2026-2031)**

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2026 - 2031) của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
2. Đối tượng áp dụng: Tất cả cổ đông của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh hoặc những người được cổ đông ủy quyền tham dự họp lệ (gọi tắt là đại diện cổ đông) và những người có liên quan.

Điều 3. Các từ viết tắt

1. *Công ty* là Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh
2. *DHDCD* là Đại hội đồng cổ đông
3. *HDQT* là Hội đồng quản trị
4. *BKS* là Ban kiểm soát
5. *TCC* là Thẻ Căn cước
6. *CCCD* là Căn cước công dân
7. *HC* là Hộ chiếu

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HDQT

1. Số lượng bầu cử thành viên HDQT là 03 (ba) thành viên.
2. Số lượng ứng viên (tự ứng cử và đề cử) để bầu cử thành viên HDQT, do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng phải có ít nhất là 03 (ba) ứng viên.
3. Tiêu chuẩn thành viên HDQT: Ứng viên để bầu cử thành viên HDQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

d. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 5. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên BKS

1. Số lượng bầu cử thành viên BKS là 03 (ba) thành viên.

2. Số lượng ứng viên (tự ứng cử và đề cử) để bầu cử thành viên BKS, do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng phải có ít nhất là 03 (ba) ứng viên.

3. Tiêu chuẩn thành viên BKS: Ứng viên để bầu cử thành viên BKS phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT và BKS

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT và BKS, theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sau đây và phải thông báo về việc nhóm họp cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ:

a. Từ 10% đến dưới 15% được đề cử 01 (một) ứng viên;

b. Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;

c. Từ 30% trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

2. Trường hợp các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết nêu tại khoản 1 Điều này, đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác trong Công ty đề cử.

Điều 7. Hồ sơ của ứng viên HĐQT và BKS

1. Hồ sơ gồm có:

- a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên của HĐQT, BKS (theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm);
- b. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu Phụ lục 3 đính kèm);
- c. Bản sao hợp lệ của một trong các loại giấy tờ pháp lý như: TCC/CCCD/HC;
- d. Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn;
- e. Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng viên được nhóm ủy quyền đề cử).

2. Ứng viên của HĐQT, BKS gửi hồ sơ (bản gốc) tới Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty *trước ngày 08/4/2026* theo địa chỉ sau:

Phòng Tổ chức-Hành chính, Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Địa chỉ: 02 Yersin - phường Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 02583.822.607 Fax: 02583.828.648

Điều 8. Lựa chọn các ứng viên

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty sẽ lập Danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu cử làm thành viên HĐQT, BKS.

Điều 9. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại cuộc họp theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm: số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS do ĐHĐCĐ thông qua.

3. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông/đại diện cổ đông không vượt quá tổng số phiếu biểu quyết theo khoản 2 Điều này.

(Xem chi tiết ví dụ về phương thức bầu dồn phiếu tại Phụ lục 1).

Điều 10. Tổ chức và giám sát bầu cử

1. Ban Kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho ĐHĐCĐ thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b. Ban Kiểm phiếu có 05 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 04 thành viên do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử để bầu thành viên HĐQT, BKS.

2. Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT, BKS;
- b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông/đại diện cổ đông;
- c. Phân phát và thu phiếu bầu cử;
- d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông/đại diện cổ đông;
- e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước ĐHĐCĐ;
- f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký cuộc họp;
- g. Cùng Chủ tọa cuộc họp xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, đề cử, cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để ĐHĐCĐ quyết định;
- h. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác;
- i. Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

1. Phiếu bầu:

- a. Phiếu bầu do Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty phát hành, được in thống nhất danh sách ứng viên của HĐQT và BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua, có đóng dấu treo của Công ty, có mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/cổ phần đại diện, tổng số phiếu biểu quyết; Phiếu màu xanh: bầu thành viên HĐQT; Phiếu màu vàng: bầu thành viên BKS;
- b. Cổ đông/đại diện cổ đông được phát 01 phiếu bầu thành viên HĐQT và 01 phiếu bầu thành viên BKS theo mã số tham dự;
- c. Cổ đông/đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

2. Cách ghi phiếu bầu:

- a. Khi đồng ý bầu cho ứng viên, cổ đông/đại diện cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó.
- b. Nếu không bầu cho ứng viên, cổ đông/đại diện cổ đông điền số "0" hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu bầu".

3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- b. Tổng số phiếu bầu phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đó;

- c. Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
- 4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Phiếu không do Ban tổ chức ĐHDCĐ Công ty phát hành; hoặc
 - b. Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới); hoặc
 - c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng viên đã được ĐHDCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; hoặc
 - d. Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đó; hoặc
 - e. Phiếu không ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện cổ đông.

Điều 10. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông/đại diện cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông/đại diện cổ đông;
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát;
4. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Kiểm phiếu không được gạch xoá, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 11. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT và BKS.
2. Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì người nào sở hữu hoặc đại diện nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện cổ phần cũng ngang nhau hoặc tất cả các ứng viên đó không phải là cổ đông của Công ty thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
 - b. Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - c. Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
 - d. Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông có mặt bầu cử tại cuộc họp; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ;

e. Kết quả bầu cử (Số và tỷ lệ số phiếu bầu cho từng ứng viên);

f. Chữ ký của Thành viên Ban kiểm phiếu.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ và được ghi nhận vào Nghị quyết của cuộc họp.

Điều 13. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Điều 14. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ III (2026 - 2031) của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh./.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS
NHIỆM KỲ III (2026-2031) THEO PHƯƠNG THỨC BẦU ĐÓN PHIẾU

1. Ví dụ: Bầu cử thành viên HĐQT như sau:

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết bầu 03 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2026 - 2031) với danh sách có 3 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: $= (1.000 \times 3) = 3.000$ phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều phiếu bầu của mình cho 3 ứng viên (tương đương mỗi ứng viên nhận được 1.000 phiếu bầu)

STT	Họ tên ứng viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	1.000
2.	Ứng viên 2	1.000
3.	Ứng viên 3	1.000
	Tổng số phiếu bầu <i>(Tổng số phiếu biểu quyết = 3.000)</i>	3.000

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên (Ví dụ ở đây là dồn hết cho Ứng viên 1)

STT	Họ tên ứng viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	3.000
2.	Ứng viên 2	0
3.	Ứng viên 3	0
	Tổng số phiếu bầu <i>(Tổng số phiếu biểu quyết = 3.000)</i>	3.000

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho cả 3 ứng viên (Nhưng không đều nhau)

STT	Họ tên ứng viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	1.500
2.	Ứng viên 2	1.000
3.	Ứng viên 3	500
	Tổng số phiếu bầu <i>(Tổng số phiếu biểu quyết = 3.000)</i>	3.000

Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn A chia phiếu bầu của mình cho vài ứng viên (trường hợp bên dưới là dồn cho 02 ứng viên: Ứng viên 1 và 2)

STT	Họ tên ứng viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	1.500
2.	Ứng viên 2	1.500
3.	Ứng viên 3	0
	Tổng số phiếu bầu <i>(Tổng số phiếu biểu quyết = 3.000)</i>	3.000

2. Việc bầu thành viên BKS cũng được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT.

PHỤ LỤC 2
ỨNG, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 1a: Dành cho 1 cổ đông
là cá nhân tự ứng cử

....., ngày tháng năm 2026

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Tôi tên là: Quốc tịch:.....

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

TCC/CCCD/HC: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Hiện đang là cổ đông của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, nắm giữ..... cổ phần (Bằng chữ:.....), chiếm tỷ lệ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đăng ký tham gia ứng cử là ứng viên để Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh bầu cử làm thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2026-2031) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của mình để đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên;
- Bản sao công chứng/chứng thực TCC/CCCD/HC của ứng cử viên;
- Bản sao công chứng/chứng thực bằng cấp liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của ứng cử viên.

Ứng cử viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu 1b: Dành cho nhóm cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức đề cử

....., ngày tháng năm 2026

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Chúng tôi là các cổ đông của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, nắm giữ cổ phần (Bằng chữ:.....), chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, cùng thống nhất đề cử:

Ông (Bà):.....

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

TCC/CCCD/HC: Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Đăng ký tham gia ứng viên để Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2026-2031) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Danh sách cổ đông đề cử:

STT	Tên cổ đông	TCC/CCCD/HC/ CNDKKD	Số cổ phần	Ký tên
1				
2				
3				
4				
Tổng cộng số cổ phần				

Hồ sơ gửi kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Bản sao công chứng/chứng thực TCC/CCCD/HC của ứng cử viên;
- Bản sao công chứng/chứng thực bằng cấp liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của ứng viên.

Xác nhận của người được đề cử
(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 1c: Dành cho 1 cổ đông
là cá nhân hoặc tổ chức đề cử

..... ngày tháng năm 2026

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Tên cổ đông:

Ngày tháng năm sinh (đối với cổ đông cá nhân):

TCC/CCCD/HC: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Giấy CNDKDN (nếu là tổ chức): Ngày cấp Nơi cấp

Địa chỉ trụ sở chính:

Người đại diện của tổ chức:

Ngày tháng năm sinh:; Giới tính:

TCC/CCCD/HC: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Hiện đang là cổ đông của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, nắm giữ..... cổ phần (Bằng chữ:), chiếm tỷ lệ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đề cử Ông (Bà):

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

TCC/CCCD/HC: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Đăng ký tham gia ứng viên để Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2026-2031) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Người đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

Xác nhận của người được đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Bản sao công chứng/chứng thực TCC/CCCD/HC của ứng viên;
- Bản sao công chứng/chứng thực bằng cấp liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của ứng viên

PHỤ LỤC 3
SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh màu (4 x 6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh: _____
- 2) Tên gọi khác: Không
- 3) Sinh ngày: tháng năm , Giới tính (nam, nữ): _____
- 4) Nơi sinh: _____
- 5) Quê quán: _____
- 6) Dân tộc: _____ 7) Tôn giáo: _____

8) Nơi đăng ký bộ khẩu thường trú:

(Số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

9) Nơi ở hiện nay:

(Số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

10) Nghề nghiệp hiện nay:

11.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):

11.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:

(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chuyên ngành)

11.3- Lý luận chính trị: _____, 11.4-Quản lý nhà nước:

(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự,...)

11.5- Ngoại ngữ: _____, 11.6-Tin học:

(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D.....) (Trình độ A, B, C.....)

12) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: _____, Ngày chính thức:

13) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội: _____, (Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội... và làm việc gì trong tổ chức đó)

14) Ngày nhập ngũ: .../.../....., Ngày xuất ngũ: .../.../....., Quân hàm cao nhất:

15) Danh hiệu được phong tặng cao nhất

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú, ...)

16) Sở trường công tác:

17) Khen thưởng:

(Hình thức cao nhất, năm nào)

18) Kỷ luật:
(về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào)

19) Tình trạng sức khoẻ: _____, Chiều cao: _____, Cân nặng _____, Nhóm máu:

20) Là thương binh hạng: .../..., Là con gia đình chính sách:

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam Dioxin)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

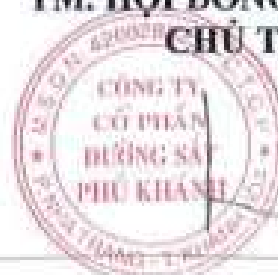
Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-ĐSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế. Toàn bộ nội dung Báo cáo này được công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty vào ngày 31/3/2026.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33
Phụ lục số 01	34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 14/07/2025 do phòng quản lý doanh nghiệp – Sở tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh do cổ phần hóa theo quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 08/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Văn Quang	Chủ tịch
Ông Phạm Nguyễn Chiến	Thành viên
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Dũng Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Việt Phương	Thành viên
Ông Hoàng Nam Cao	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Nguyễn Chiến	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hợp	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Nam	Phó Giám đốc
Ông Đặng Trung Thiết	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Nguyễn Chiến - Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Nguyễn Chiến

Giám đốc

Khánh Hoà, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Số: 26111/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 4.4 "Phải thu ngắn hạn khác" khoản phải thu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi phí đo đất năm 2010 số tiền 933.473.987 đồng. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán khoản chi phí này chưa được quyết toán, đối chiếu công nợ với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 cũng như ảnh hưởng của nó tới Báo cáo tài chính năm 2025.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN PHƯƠNG THỦY

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2026

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6521-2024-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116.490.817.890	105.512.292.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	11.430.374.488	7.096.091.241
1. Tiền	111		396.924.367	2.096.091.241
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.033.450.121	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.892.729.935	87.890.552.924
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	90.378.334.467	90.380.461.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.894.670.861	1.441.389.927
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	8.165.601.806	7.066.547.421
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(11.545.877.199)	(10.997.846.179)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	14.016.071.219	8.928.156.804
1. Hàng tồn kho	141		14.016.071.219	8.928.156.804
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.151.642.248	1.597.491.485
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	-	1.463.500.893
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	4.8	2.151.642.248	133.990.592
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.040.924.962	18.069.195.789
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	136.576.306
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	136.576.306
II. Tài sản cố định	220	4.9	6.487.289.924	8.836.044.974
1. Tài sản cố định hữu hình	221		6.386.760.222	8.715.515.272
- Nguyên giá	222		40.546.224.052	43.488.527.614
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.179.463.830)	(34.773.012.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	120.529.702	120.529.702
- Nguyên giá	228		120.529.702	120.529.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	4.11	-	6.841.777.177
- Nguyên giá	231		-	9.441.585.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(2.599.807.900)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		200.000.000	200.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.12	200.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.353.635.038	2.054.797.332
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	3.353.635.038	2.054.797.332
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126.531.742.852	123.581.488.243

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		97.502.897.451	94.405.471.766
I. Nợ ngắn hạn	310		97.502.897.451	89.534.228.389
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	67.565.333.051	51.754.193.807
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	303.982.000	1.187.163.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	3.120.929.015	7.268.158.113
4. Phải trả người lao động	314		20.938.555.167	16.462.018.189
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	4.678.081.940	4.166.829.206
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	-	7.698.032.863
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		896.016.278	997.833.052
II. Nợ dài hạn	330		-	4.871.243.377
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	-	4.871.243.377
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	29.028.845.401	29.176.016.477
I. Vốn chủ sở hữu	410		29.028.845.401	29.176.016.477
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.780.297.419	4.318.297.419
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.248.547.982	4.857.719.058
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.248.547.982	4.857.719.058
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		126.531.742.852	123.581.488.243

Người lập biểu
Hoàng Thị Kim Oanh

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Đào



Giám đốc
Phạm Nguyễn Chiến
Khánh Hòa, Việt Nam

Ngày 10 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	270.573.924.370	244.110.587.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		270.573.924.370	244.110.587.060
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	235.152.874.988	211.090.358.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.421.049.382	33.020.228.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	827.284.439	651.561.428
7. Chi phí tài chính	22	5.4	100.603.889	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		100.603.889	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	29.822.400.446	27.063.672.687
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.325.329.486	6.608.117.712
11. Thu nhập khác	31	5.6	114.628.849	374.343.017
12. Chi phí khác	32	5.7	661.189.276	726.675.266
13. Lợi nhuận khác	40		(546.560.427)	(352.332.249)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.778.769.059	6.255.785.463
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	1.530.221.077	1.398.066.405
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.248.547.982	4.857.719.058
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	1.268	1.531
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	1.268	1.531

Người lập biểu

Hoàng Thị Kim Oanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đào



Giám đốc

Phạm Nguyễn Chiến

Khánh Hòa, Việt Nam

Ngày 10 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp trực tiếp)

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
I/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		290.037.804.939	267.609.602.304
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(127.522.620.272)	(117.866.818.705)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(98.161.271.346)	(97.912.611.423)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(100.603.889)	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.817.771.714)	(1.332.057.790)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.097.215.973	146.380.005
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(49.844.113.568)	(54.916.880.201)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.688.640.123	(4.272.385.810)
II/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(3.001.968.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		114.423.889	-
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		827.284.439	661.177.866
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		941.708.328	(2.340.790.134)
III/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	6.1	31.911.803.734	7.698.032.863
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(39.609.836.597)	-
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	38		(2.598.032.341)	(2.516.933.608)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.296.065.204)	5.181.099.255
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.334.283.247	(1.432.076.689)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.096.091.241	8.528.167.930
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		11.430.374.488	7.096.091.241

Người lập biểu
Hoàng Thị Kim Oanh

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Đào

Giám đốc
Phạm Nguyễn Chiến
Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày 10 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 14/07/2025 do phòng quản lý doanh nghiệp – Sở tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh do cổ phần hóa theo quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 08/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 4 là 20.000.000.000 VND. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 736 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 746 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về giao thông đường sắt, đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa đường sắt; đường bộ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giá định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất,

nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 37
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: quyền sử dụng đất không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	25 năm

Trong năm 2025, Công ty đã bán toàn bộ bất động sản đầu tư.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác của công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

3.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội thuộc dự án Chung cư đường sắt của Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Các hoạt động kinh doanh còn lại theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp thông thường hiện hành.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	234.647.984	552.744.632
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	162.276.383	1.543.346.609
Các khoản tương đương tiền	11.033.450.121	5.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>11.033.450.121</i>	<i>5.000.000.000</i>
	11.430.374.488	7.096.091.241

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang. Lãi suất 3,6%/ năm.

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	63.657.706.981	58.251.243.571
Ban Quản lý dự án Đường sắt	10.349.592.379	11.365.233.507
Công ty CP Công trình 793	7.099.870.000	7.099.870.000
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	2.115.913.643	4.508.102.476
Phải thu khách hàng khác	7.155.251.464	9.158.012.201
	90.378.334.467	90.380.461.755
Phải thu khách hàng ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	66.583.408.768	63.026.873.786

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần 504	182.500.000	182.500.000
Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Khánh An	-	790.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại MEC Việt Nam	1.115.493.156	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hud4	468.889.927	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	127.787.778	468.889.927
	1.894.670.861	1.441.389.927

4.4 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng cho CBNV	2.728.380.682	-	2.950.700.181	-
Ông Đinh Văn Hóa (i)	2.186.521.179	(2.186.521.179)	2.186.521.179	(2.186.521.179)
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi phí đo đất năm 2010	933.473.987	-	933.473.987	-
Chi phí thu hồi vật tư	1.540.696.443	-	766.357.733	-
Các khoản phải thu khác	728.529.515	-	229.494.341	-
	8.165.601.806	(2.186.521.179)	7.066.547.421	(2.186.521.179)
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	933.473.987		933.473.987	

(i) Khoản phải thu Ông Đinh Văn Hóa về tiền bồi thường thiệt hại tai nạn giao thông đường sắt giữa tàu SQM4 với xe ô tô tải do lỗi của Ông Đinh Văn Hóa vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông Đường sắt (Theo bản án của Tòa án Nhân dân huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định).

4.5 Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND
Phải thu khách hàng		9.176.856.020		9.176.856.020
Xi nghiệp 305 - Công ty CP ĐTXD Công trình 3	> 3 năm	117.876.000	> 3 năm	117.876.000
Xi nghiệp 303 - Công ty CP ĐTXD Công trình 3	> 3 năm	64.108.000	> 3 năm	64.108.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	> 3 năm	190.862.000	> 3 năm	190.862.000
Công ty CP Công trình 793	> 3 năm	7.099.870.000	> 3 năm	7.099.870.000
Công ty CP Xây dựng Trường Lộc	> 3 năm	400.000.000	> 3 năm	400.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xây dựng Khánh Vinh	> 3 năm	130.740.000	> 3 năm	130.740.000
Công ty CP Sông Đà 10 (công trình: Trục nhà gác, chân đường ngang tạm cấp III có thời hạn có người gác tại Km1233+797)	> 3 năm	144.895.600		144.895.600
Công ty CP Quản lý & XD Đường bộ Khánh Hòa	> 3 năm	220.635.420	> 3 năm	220.635.420
XN Sông Đà 10.2 - Công ty CP Sông Đà 10	> 3 năm	807.869.000		807.869.000
Các khoản trả trước cho người bán		182.500.000		182.500.000
Công ty CP 504	> 3 năm	182.500.000		182.500.000
Các khoản phải thu khác		2.186.521.179		2.186.521.179
Ông Đinh Văn Hòa	> 3 năm	2.186.521.179	> 3 năm	2.186.521.179
		11.545.877.199		11.545.877.199
				548.031.020

4.6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.087.703.115	-	6.690.500.321	-
Công cụ, dụng cụ	416.490.871	-	714.244.899	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	8.531.877.233	-	1.523.411.584	-
	14.016.071.219	-	8.928.156.804	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Gói thầu 02: Cải tạo, nâng cấp Km1454+917-1613+510 tỉnh Bình Thuận	-	982.565.211
Dự án cứu chữa, KPBL bảo 13 (2025) Km 1138+700-1137+350	5.649.093.958	-
Dự án bảo lữ đợt 2-2025: KPBL tại Km 1122+500-1175; 1224-1339	2.303.265.078	-
GT 03(2025): SCDK Km 1223+00-1230+803	553.581.964	-
GT (2024) Trục gác ĐN Km 1288+320 xã Ninh Lộc	-	319.838.113
Dự án khác	25.958.233	221.008.260
	8.531.877.233	1.523.411.584

4.7 Chi phí trả trước

4.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị vốn ODA	-	999.911.323
CCDC chờ phân bổ	-	154.663.818
Chi phí trả trước khác	-	308.925.752
	-	1.463.500.893

4.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị vốn ODA	499.955.661	-
Chi phí sửa chữa vận phòng công ty	458.343.981	-
Hệ thống điện hầm Vũng Rô	706.960.031	-
Chi phí sửa chữa máy nâng, giặt, chén đường 08-8GS	1.027.398.666	2.054.797.332
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, vận phòng xí nghiệp	453.529.282	-
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	207.447.417	-
	3.353.635.038	2.054.797.332

4.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.532.098.058	10.651.394.303	14.511.072.784	-	2.672.419.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	736.060.055	1.530.221.077	1.817.771.714	-	448.509.418
Thuế thu nhập cá nhân	133.990.592	-	308.684.487	332.587.132	157.893.237	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	2.719.905.457	4.713.654.468	1.993.749.011	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	151.917.785	151.917.785	-	-
	133.990.592	7.268.158.113	15.366.123.109	21.531.003.863	2.151.642.248	3.120.929.015

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	13.575.512.496	10.990.358.367	16.976.671.278	1.945.985.473	43.488.527.614
Tăng trong năm	-	(850.855.000)	(1.889.443.380)	(202.005.182)	(2.942.303.562)
Giảm trong năm					
Thanh lý, nhượng bán					
Số dư cuối năm	13.575.512.496	10.139.503.367	15.087.227.898	1.743.980.291	40.546.224.052
GIÁ TRỊ HAO MÓN					
Số dư đầu năm	13.575.512.496	7.941.690.218	11.929.312.730	1.326.496.898	34.773.012.342
Tăng trong năm	-	575.296.253	1.514.400.375	259.058.422	2.348.755.050
Khấu hao trong năm					
Giảm trong năm					
Thanh lý, nhượng bán	-	(850.855.000)	(1.889.443.380)	(202.005.182)	(2.942.303.562)
Số dư cuối năm	13.575.512.496	7.666.131.471	11.554.269.725	1.383.550.138	34.179.463.830
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	-	3.048.668.149	5.047.358.548	619.488.575	8.715.515.272
Số dư cuối năm	-	2.473.371.896	3.532.958.173	360.430.153	6.366.760.222

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 29.060.781.925 VND, tại 01/01/2025 là 30.016.444.487 VND;

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 0 VND, tại 01/01/2025 là 0 VND.

4.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	120.529.702	120.529.702
Số dư cuối năm	<u>120.529.702</u>	<u>120.529.702</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	120.529.702	120.529.702
Số dư cuối năm	<u>120.529.702</u>	<u>120.529.702</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 0 VND, tại 01/01/2025 là 0 VND.

4.11 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	9.441.585.077	9.441.585.077
Tăng trong năm		
Giảm trong năm		
Thanh lý, nhượng bán	(9.441.585.077)	(9.441.585.077)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN		
Số dư đầu năm	2.599.807.900	2.599.807.900
Tăng trong năm		
Khấu hao trong năm	283.247.549	283.247.549
Giảm trong năm		
Thanh lý, nhượng bán	(2.883.055.449)	(2.883.055.449)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	6.841.777.177	6.841.777.177
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

4.12 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Sài Gòn	200.000.000	-	200.000.000	-
	<u>200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>200.000.000</u>	<u>-</u>

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

4.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nha Trang	-	-	31.911.803.734	39.609.636.597	7.698.032.863	7.698.032.863
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>31.911.803.734</u>	<u>39.609.636.597</u>	<u>7.698.032.863</u>	<u>7.698.032.863</u>

4.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng & Thương mại Đường sắt Đông Dương	36.895.387.728	36.895.387.728	31.452.266.252	31.452.266.252
Công ty CP Xây dựng và Phát triển HTC	5.331.046.524	5.331.046.524	7.739.235.233	7.739.235.233
Công ty TNHH Quyết Thắng	3.951.441.596	3.951.441.596	2.235.166.658	2.235.166.658
Công ty TNHH Đầu tư Tân Hà	2.831.695.909	2.831.695.909	2.831.695.909	2.831.695.909
Các đối tượng khác	18.555.761.294	18.555.761.294	7.495.829.755	7.495.829.755
	67.565.333.051	67.565.333.051	51.754.193.807	51.754.193.807
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	3.726.317.707		1.580.438.865	

4.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD ADC	303.982.000	1.169.380.000
Các đối tượng khác	-	17.783.159
	303.982.000	1.187.163.159

4.16 Phải trả khác

4.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	404.962.866	307.494.126
Bảo hiểm xã hội	1.290.765.164	1.293.708.043
Bảo hiểm thất nghiệp	101.236.464	101.467.278
Phải trả tiền công vật tư thu hồi SCTX KCHTĐS	1.220.843.001	1.220.843.001
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.455.261	9.487.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.648.819.184	1.233.829.156
	4.678.081.940	4.166.829.206

4.16.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	-	4.871.243.377
	-	4.871.243.377

4.17 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	3.856.297.419	4.810.368.120	28.666.665.539
Lợi nhuận trong năm trước (i)	-	-	4.857.719.058	4.857.719.058
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Chia Cổ tức	-	462.000.000	(2.310.368.120)	(1.848.368.120)
Trích lập quỹ	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	4.318.297.419	4.857.719.058	29.176.016.477
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	4.318.297.419	4.857.719.058	29.176.016.477
Lợi nhuận trong năm (ii)	-	-	4.248.547.982	4.248.547.982
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
Chia Cổ tức	-	462.000.000	(2.257.719.058)	(1.795.719.058)
Trích lập quỹ	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	4.780.297.419	4.248.547.982	29.028.845.401

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-24/NQ-DHĐCĐ ngày 12/04/2024.

Số tiền

VND

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.617.368.120
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	231.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	462.000.000
Chia cổ tức	2.500.000.000
Tổng	4.810.368.120

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025:

	Số tiền VND
Quỹ đầu tư phát triển	462.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.564.719.058
Quỹ thưởng người quản lý	231.000.000
Chia cổ tức bằng tiền	2.600.000.000
Tổng	4.857.719.058

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.200.000.000	51,00%	10.200.000.000	51,00%
Vốn của các đối tượng khác	9.800.000.000	49,00%	9.800.000.000	49,00%
	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.600.000.000	2.500.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

Phân phối lợi nhuận		Năm nay VND	Năm trước VND
	Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	4.857.719.058	4.810.368.120
	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	4.248.547.982	4.857.719.058
	Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	9.106.267.040	9.668.087.178
	Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(4.857.719.058)	(4.810.368.120)
	- Chia cổ tức năm nay	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
	- Trích quỹ đầu tư phát triển	(462.000.000)	(462.000.000)
	- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.564.719.058)	(1.617.368.120)
	- Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	(231.000.000)	(231.000.000)
	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	4.248.547.982	4.857.719.058
4.18	Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán		
	Tài sản nhận giữ hộ		
	Vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: Trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.		
5.	THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
5.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
		Năm nay VND	Năm trước VND
	Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên	228.788.850.115	218.039.031.647
	Doanh thu hoạt động BĐS	6.672.253.876	6.684.856.029
	Doanh thu hoạt động khác	35.112.820.379	19.366.699.384
		270.573.924.370	244.110.587.060
	Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	258.495.449.383	225.114.310.736
5.2	Giá vốn hàng bán		
		Năm nay VND	Năm trước VND
	Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên	195.062.466.444	184.107.523.478
	Giá vốn hoạt động BĐS	6.661.832.829	6.971.344.375
	Giá vốn hoạt động khác	33.228.575.715	20.011.490.236
		235.152.874.988	211.090.358.089
5.3	Doanh thu hoạt động tài chính		
		Năm nay VND	Năm trước VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	827.284.439	651.561.428
		827.284.439	651.561.428

5.4	Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
	Lãi tiền vay	100.603.889	-
		100.603.889	-
5.5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
	Chi phí nhân viên quản lý	12.999.906.281	13.114.919.631
	Chi phí vật liệu quản lý	593.976.253	1.023.662.942
	Chi phí đồ dùng văn phòng	438.726.582	509.101.871
	Chi phí khấu hao TSCĐ	444.444.138	524.344.975
	Thuế, phí và lệ phí	41.051.683	70.225.816
	Chi phí dự phòng	548.031.020	-
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.629.985.992	1.225.401.613
	Chi phí bằng tiền khác	13.126.276.497	10.596.015.839
		29.822.400.446	27.063.672.687
5.6	Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	114.423.889	-
	Các khoản khác	204.960	374.343.017
		114.628.849	374.343.017
5.7	Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
	Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ HĐ SXKD	-	25.905.000
	Chi trả tiền mua nhà ở xã hội	234.523.684	615.286.902
	Các chi phí khác	426.865.592	85.483.364
		661.189.276	726.675.266
5.8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay VND	Năm trước VND
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	1.334.306.667	1.396.492.146
	Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm	195.914.410	1.574.259
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.530.221.077	1.398.066.405

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Hoạt động kinh doanh khác		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.703.757.484	7.283.400.024
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	892.764.276	726.675.266
Các khoản điều chỉnh tăng	892.764.276	726.675.266
Chi phí không được trừ khác	892.764.276	726.675.266
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển và bù trừ lỗ hoạt động kinh doanh BĐS	(924.988.425)	(1.027.614.561)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.671.533.335	6.982.460.729
Thuế suất thuế TNDN không ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.334.306.667	1.396.492.146
II. Hoạt động kinh doanh bất động sản		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(924.988.425)	(1.027.614.561)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Chuyển lỗ và các khoản bù trừ lãi lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(1.027.614.561)
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Thuế TNDN của hoạt động BĐS trong năm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.334.306.667	1.396.492.146

5.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.248.547.982	4.857.719.058
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.248.547.982	4.857.719.058
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(1.713.421.600)	(1.795.719.058)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.268	1.531
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1268	1531

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông - Nghị quyết số 01-25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2025 tại phiên họp thường niên năm 2025.

5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.865.564.313	83.777.669.085
Chi phí nhân công	124.792.331.031	118.484.325.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.348.755.050	3.013.471.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.854.877.523	6.503.958.268
Chi phí dự phòng	548.031.020	-
Chi phí khác bằng tiền	20.732.404.969	16.619.825.971
	265.141.963.906	228.399.249.732

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	31.911.803.734	7.698.032.863
	31.911.803.734	7.698.032.863

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	39.609.836.597	-
	39.609.836.597	-

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương + Thưởng + Thù lao	3.021.418.700	2.261.674.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (TCT)	Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con của TCT
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	Công ty con của TCT
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con của TCT
Công ty CP Vận tải Đường sắt	Công ty con của TCT
Công ty CP TTTH Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con của TCT
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	Công ty con của TCT
Công ty CP xe lửa Di An	Công ty con của TCT
Công ty CP đá Mỹ Trang	Công ty liên kết của TCT
Công ty CP Vận tải Đường sắt - CN toa xe Đà Nẵng	Chi nhánh của Công ty CP Vận tải Đường sắt
Công ty CP Vận tải Đường sắt - CN toa xe Sài Gòn	Chi nhánh của Công ty CP Vận tải Đường sắt
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp Đầu máy Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của TCT
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp Đầu máy Sài Gòn	Đơn vị phụ thuộc của TCT
CN TCT ĐSVN - Khai thác Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị phụ thuộc của TCT
CN TCT ĐSVN - Khai thác Đường sắt Phú Khánh	Đơn vị phụ thuộc của TCT
Trường Cao đẳng Đường sắt – Phân hiệu Phía Nam	Đơn vị sự nghiệp của TCT
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị phụ thuộc của TCT
Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 1	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên	228.788.850.115	218.039.031.647
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Doanh thu hợp đồng xây dựng	27.144.885.033	2.902.961.982
Công ty CP TTTT ĐS Sài Gòn	Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.071.148.339	-
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.490.565.896	4.172.317.107
		258.495.449.383	225.114.310.736

Mua hàng hóa dịch vụ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn	Thi công công trình	-	260.824.390
Công ty CP vận tải Đường sắt	Vé tàu, vận chuyển vật liệu, ...	1.350.736.000	169.987.190
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Chi phí thuê máy móc	-	77.490.147
Trường Cao đẳng Đường sắt – Phân hiệu Phía Nam	Chi phí đào tạo	2.055.702.425	61.946.640
Trung tâm Y tế Đường sắt	Chi phí khám sức khỏe	254.100.000	262.500.000
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp Đầu máy Hà Nội	Chi phí kiểm tra kỹ thuật cầu đường	1.258.470.120	1.258.470.120
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Thi công công trình	-	(270.245.455)
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	Mua nguyên vật liệu		296.400.000
CN TCT ĐSVN - Khai thác Đường sắt Phú Khánh	Chi phí thuê TS nhóm 2	519.989.161	-
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp Đầu máy Sài Gòn	Chi phí sửa chữa	275.995.773	-
Công ty CP Vận tải Đường sắt - CN Toa xe Sài Gòn	Chi phí sửa chữa lớn toa xe	98.217.000	-
Công ty CP Vận tải Đường sắt - CN toa xe Đà Nẵng	Chi phí bảo dưỡng toa xe	3.839.000	35.031.000
Công ty CP Đá Mỹ Trang	Mua nguyên vật liệu	358.309.090	-
		6.175.358.569	2.152.404.032

Các giao dịch khác	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Chia cổ tức	1.326.000.000	1.275.000.000
		1.326.000.000	1.275.000.000

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	63.657.706.981	58.251.243.571
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	2.115.913.643	4.506.102.476
Công ty CP TTHĐ SĐ Sài Gòn	809.788.144	269.527.739
	66.583.408.768	63.026.873.786
	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP đá Mỹ Trang	394.140.000	-
Công ty CP Vận tải Đường sắt	1.458.794.880	-
Trường Cao đẳng Đường sắt - Phân hiệu Phía Nam	323.745.450	-
CN TCT ĐSVN - Khai thác Đường sắt Phú Khánh	571.968.077	-
CN TCT ĐSVN - XI nghiệp Đầu máy Sài Gòn	298.075.435	-
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	-	580.753.000
CN TCT ĐSVN - XI nghiệp Đầu máy Hà Nội	679.573.865	679.573.865
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	-	320.112.000
	3.726.317.707	1.580.438.865
	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải thu khác		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	933.473.987	933.473.987
	933.473.987	933.473.987

7.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

7.4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày lại, nguyên nhân như đã nêu tại mục 5.9 - Lãi trên cổ phiếu:

TT	Khoản mục	Mã số	Số theo BCKT năm 2024	Số trình bày lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.537	1.531	(6)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.537	1.531	(6)



Người lập biểu
Hoàng Thị Kim Oanh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Đào



Giám đốc
Phạm Nguyễn Chiến
Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày 10 tháng 02 năm 2026

Phụ lục số 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

TT	Tên vật tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ray P30 hỏng	m	1.451,00	m	1.301,00
2	Ray P43 hỏng	m	68.223,00	m	51.498,00
3	Ray P50 hỏng	m	6.975,00	m	5.800,00
4	Tà vẹt sắt hỏng	thanh	47.365,00	thanh	36.145,00
5	Lập lách P30 hỏng	Bộ	106,00	Bộ	96,00
6	Lập lách P43 hỏng	Bộ	5.305,00	Bộ	3.917,00
7	Lập lách P43*50 hỏng	Bộ	77,00	Bộ	55,00
8	Lập lách P50 hỏng	Bộ	317,00	Bộ	271,00
9	Cần cóc hỏng	Cái	251.060,00	Cái	195.874,00
10	Cóc hỏng	Cái	360.772,00	Cái	283.869,00
11	Đỉnh cóc hỏng	Cái	384.543,00	Cái	308.905,00
12	Đỉnh mối hỏng	Cái	36.176,00	Cái	26.796,00
13	Đỉnh campong hỏng	Cái	15.762,00	Cái	11.780,00
14	Đỉnh taraphong hỏng	Cái	21.239,00	Cái	15.744,00
15	Bulon móc hỏng	Cái	1.318,00	Cái	607,00
16	Bulon hỏng	Cái	3.159,00	Cái	2.327,00
17	Đỉnh rút hỏng	Cái	445,00	Cái	445,00
18	Đệm sắt hỏng	Cái	19.474,00	Cái	18.306,00
19	Ron đen phẳng hỏng	Cái	10.843,00	Cái	10.843,00
20	Lưới ghi P43 hỏng	Cái	9,00	Cái	7,00
21	Tâm ghi P43 hỏng	Cái	10,00	Cái	5,00
22	Tà vẹt bê tông hỏng	thanh	43.190,00	thanh	38.350,00
23	Tâm ghi P50 hỏng	Cái	2,00		-
24	Bulon cóc nhíp hỏng	Bộ	2.337,00		-

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

NGUYỄN PHƯƠNG THÚY

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6521-2024-283-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15, ngày 17/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025

1. Đặc điểm tình hình

Trong năm qua ngành Đường sắt tiếp tục nhận được sự quan tâm của nhà nước và các bộ ban ngành tập trung đầu tư cho CSHT đường sắt. Tổng công ty đường sắt Việt Nam tiến hành ký hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt giải quyết sớm vốn tạm ứng, nghiệm thu sản phẩm, thanh toán đúng tiến độ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD của Công ty.

Kết cấu hạ tầng chưa được đồng bộ, mặc dù nhận được sự quan tâm của nhà nước nhưng việc đầu tư cho cơ sở hạ tầng đường sắt vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế nên vẫn tiềm ẩn nguy cơ đe dọa an toàn chạy tàu.

Từ năm 2024 đến năm 2025 chi phí thuê đất tăng đột biến so với các năm trước đây gây khó khăn rất lớn với hoạt động SXKD của Công ty.

Trong năm 2025 do tác động của thiên tai bão lũ, các đoạn đường sắt thuộc Công ty quản lý chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 13 và mưa lũ kéo dài trong tháng 11/2025 gây ngập kết cấu hạ tầng đường sắt, sụt sạt ta luy nền đường, trôi nền đường, treo ray, tà vẹt... làm ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu, giao thông đường sắt bị gián đoạn.

Lao động trong công tác bảo trì đường sắt có tính chất công việc nặng nhọc, phần lớn làm bằng thủ công nên khó thu hút lao động. Tình trạng người lao động đơn phương chấp dứt hợp đồng lao động ngày càng tăng dẫn đến việc tổ chức sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ của công ty càng thêm khó khăn.

Tuy nhiên với sự đoàn kết, nhất trí, đồng lòng, quyết tâm của tập thể lãnh đạo công ty, CBCNV và sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các ban chuyên môn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty đã chủ động nắm bắt tình hình, nhận diện chính xác khó khăn, đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn, phát huy trí tuệ tập thể, giữ vững nguyên tắc tập chung dân chủ, vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2025 với nhiều chỉ tiêu đạt và vượt Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 đề ra.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoàn thành 100% khối lượng hợp đồng đặt hàng về cung cấp dịch vụ bảo dưỡng thường xuyên KCHI đường sắt quốc gia năm 2025 lý trình từ Km1096+200 đến Km1378+200 tuyến ĐS Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh. Thi công theo đúng phương án tác nghiệp các quý được Tổng công ty chấp thuận. Nghiệm thu, thanh quyết toán đúng thời hạn, quy định của pháp luật.

Các gói thầu thuộc dự án 3000 tỷ, 7000 tỷ đã quyết toán hoàn thành. Các công trình sửa chữa định kỳ hoàn thành thanh toán và đang trong giai đoạn quyết toán.

Giữ vững công lệnh tốc độ, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, hành lang an toàn giao thông đường sắt, an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ tại các điểm giao cắt với đường sắt, không để xảy ra tai nạn do chủ quan.

Tăng cường công tác kiểm tra cầu đường (đặc biệt là các hầm đường sắt trên Đèo Cánh) bằng nhiều hình thức như đi bộ, đi goong, áp máy, cập nhật thông tin cho các tổ lái máy, tổ công tác trên tàu của các Công ty vận tải, kịp thời phát hiện các điểm xấu cục bộ trên đường, tổ chức sửa chữa khẩn cấp đảm bảo an toàn chạy tàu và êm thuận chạy tàu.

Tăng cường công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt đối với các đơn vị thi công công trình thuộc dự án trung hạn và các dự án khác trên phạm vi quản lý của Công ty nhằm hoàn thành theo đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng an toàn công trình theo quy định. Khi phát hiện các sai phạm, các yếu tố gây nguy cơ mất an toàn kịp thời báo cáo các cấp có thẩm quyền.

Chủ động ứng phó cũng như tham gia khắc phục hậu quả bão lũ xảy ra trong năm 2025 kịp thời đảm, bảo an toàn giao thông đường sắt, khôi phục trạng thái chạy tàu thông suốt sớm nhất.

Tiếp tục thực hiện, duy trì phong trào “Đường tàu - Đường hoa” tại các trạm chắn đường ngang, chốt gác cầu, hầm, trụ sở cung, đội. Phối hợp với các Gia dọc tuyến tổ chức vệ sinh môi trường các khu ga đảm bảo “Xanh - Sạch - Đẹp”.

Thực hiện chỉ đạo của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, Công ty đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời phục vụ sản xuất, phục vụ chiếu sáng của các Hầm đường sắt trên khu vực Đèo ca.

Cải thiện điều kiện môi trường làm việc, chăm lo đời sống cho người lao động, đảm bảo đủ việc làm, công việc ổn định, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm thân thể và chú trọng trang cấp bảo hộ lao động cho người lao động đặc biệt là công nhân bảo trì cầu đường.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện (Theo BCTC đã được kiểm toán)		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	đồng	264.947.413.000	245.136.491.505	271.515.837.658	110,76	102,48
2	Tổng chi phí	đồng	259.646.886.000	238.880.706.042	265.737.068.599	111,24	102,35
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.300.527.000	6.255.785.463	5.778.769.059	92,37	109,02
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.240.421.600	4.857.719.058	4.248.547.982	87,46	100,19
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	12%	13%	12%	92,31	100,00
6	Quỹ lương NLD	đồng	103.074.707.000	102.034.000.000	106.895.359.173	104,76	103,71
7	Số người lao động BQ	người	762	739,5	728,6	98,53	95,62
8	Mức tiền lương BQ NLD	đ/ng/thg	11.272.000	11.498.000	12.226.100	106,33	108,46
9	Vốn điều lệ	đồng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00	100,00

3. Công tác quản lý chất lượng cơ sở hạ tầng DS, hành lang ATGTĐS, đảm bảo ATCT, ANTT, PCCN

3.1. Công tác quản lý chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt

Chất lượng cầu đường được giữ vững, chất lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt đạt yêu cầu trở lên, chất lượng các công trình khi tham gia thi công các dự án đều đảm bảo theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, kiểm tra công tác sửa chữa đột xuất đảm bảo an toàn chạy tàu, giao chỉ tiêu cụ thể giảm điểm xóc lắc cho các đơn vị quản lý cầu đường, đảm bảo tàu chạy êm thuận. Số điểm xóc lắc bình quân năm 2025 theo kết quả đo máy EM120 là 14,6 điểm, giảm 10,3% so với năm 2024. Đảm bảo tải trọng, tốc độ chạy tàu theo công lệnh.

3.2. Quản lý hành lang ATGTĐS, đảm bảo ATCT, ANTT, PCCN

Tình hình trật tự an toàn giao thông đường sắt, an ninh trật tự trên toàn Công ty được giữ vững. Công ty đã phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với các địa phương tổ chức kiểm tra, rào đóng các lối đi dân tự mở, bàn giao cho địa phương phối hợp quản lý.

Tổ chức theo dõi và giám sát 24/24 giờ qua hệ thống camera tại các điểm đường ngang có người gác, hệ thống giám sát hành trình tuần đường tại phòng trực an toàn của Công ty, chấn chỉnh kịp thời, xử lý kỷ luật nghiêm các tập thể và cá nhân vi phạm.

4. Công tác phòng chống thiên tai, bão lũ

Đã xây dựng, triển khai và tổ chức tốt Phương án phòng chống bão lũ, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2025. Làm việc với các đơn vị quản lý các hồ chứa nước trên địa bàn để kịp thời nhận được thông báo xả lũ từ các hồ. Khi có mưa, bão xảy ra, tăng cường kiểm tra, bố trí lực lượng trực chốt các điểm xung yếu, chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng, các phương tiện, máy móc, thiết bị, nhân lực, công tác hậu cần sẵn sàng phục vụ cho cứu chữa, đảm bảo giải tỏa đường thông tàu trong thời gian sớm nhất, phục vụ tốt cho vận tải của ngành.

5. Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ

Đầu tư, mua sắm các máy móc, phương tiện và thiết bị hỗ trợ trong sản xuất như: máy chèn đường loại nhỏ, Máy đào xúc chạy trên đường sắt, từng bước đưa thiết bị cơ giới vào thi công sửa chữa một số hạng mục công việc của cầu đường và phòng chống, khắc phục hậu quả bão lụt nhằm tăng năng suất lao động, giảm thiểu lao động thủ công.

Đẩy mạnh thực hiện công tác khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý và SXKD. Đưa ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ trong công tác quản lý nhân sự; giải pháp khoa học công nghệ phục vụ quản lý, tra cứu thông tin về KCHTĐS trong phạm vi quản lý.

Phần II

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2026

1. Đặc điểm tình hình:

Thuận lợi:

Tiếp tục nhận được sự quan tâm của Nhà nước và các Bộ ban ngành tập trung đầu tư CSHT đường sắt. Tổng công ty đường sắt Việt Nam tiến hành ký hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt.

Tập thể lãnh đạo công ty và CBCNV luôn đoàn kết, đồng lòng quyết tâm thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Đặc biệt luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, các ban chuyên môn của Tổng công ty đường sắt Việt Nam.

Công ty luôn chủ động nguồn nhân lực, đầu tư máy móc thiết bị đáp ứng công tác thi công, đáp ứng năng lực hoạt động đầu thầu các công trình trong và ngoài bảo dưỡng thường xuyên.

Khó khăn:

Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, việc đầu tư hàng năm của Nhà nước cho cơ sở hạ tầng đường sắt vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế nên vẫn tiềm ẩn nguy cơ đe dọa an toàn chạy tàu.

Từ năm 2024 chi phí thuế đất tăng đột biến so với các năm trước gây khó khăn rất lớn với hoạt động SXKD của Công ty.

Lao động trong công tác bảo trì đường sắt có tính chất công việc nặng nhọc nên khó thu hút lao động, tình trạng người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng ngày càng tăng dẫn đến việc điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của công ty càng thêm khó khăn.

Sự cạnh tranh gay gắt của kinh tế thị trường trong việc tìm kiếm việc làm và tham gia thi công các công trình ngoài công ích.

2. Các chỉ tiêu SXKD:

Trên cơ sở đặc điểm tình hình đó, Ban Giám đốc Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

St t	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/TH 2025
1	Doanh thu	Nghìn đồng	271.515.838	298.804.837	110,05%
	<i>Công ích</i>	Nghìn đồng	228.788.850	230.764.482	
	<i>Ngoài công ích</i>	Nghìn đồng	42.726.988	68.040.355	
2	Chi phí	Nghìn đồng	265.737.069	292.956.723	110,24%
3	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn đồng	5.778.769	5.848.114	101,20%
4	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	4.248.548	4.299.531	101,20%
5	Vốn điều lệ	Nghìn đồng	20.000.000	20.000.000	100,00%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	12%	12%	100,00%
7	Số người lao động bình quân	Người	728,6	732	100,46%
8	Mức tiền lương bình quân người lao động/tháng	Nghìn đồng	12.226	13.453	110,03%

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 và Kế hoạch nhiệm vụ SXKD năm 2026, Ban Giám đốc kính báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

GIÁM ĐỐC



Phạm Nguyễn Chiến

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;
Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;*

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-ĐSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây viết tắt là HĐQT) trân trọng Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024 và xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2025, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 (ĐHĐCD)

Năm 2025, cũng như những năm qua, tập thể Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh (Công ty) và người lao động, luôn phát huy tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm cao, nỗ lực phấn đấu vượt qua những khó khăn đã thực hiện và hoàn thành kế hoạch SXKD cùng các công tác khác. Hoạt động của HĐQT với vai trò định hướng, giám sát và chỉ đạo các nhiệm vụ, công tác của Công ty đã góp phần quan trọng làm nên những thắng lợi chung như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện (Theo BCTC đã được kiểm toán)		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	đồng	264.947.413.000	245.136.491.505	271.515.837.658	110,76	102,48

I	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	264.947.413.000	244.110.587.060	270.573.924.370		
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	0	651.561.428	827.284.439		
3	Thu nhập khác	đồng	0	374.343.017	114.628.849		
II	Tổng chi phí	đồng	259.646.886.000	238.880.706.042	265.737.068.599	111,24	102,35
1	Giá vốn	đồng	230.263.556.000	211.090.358.089	235.152.874.988		
2	Chi phí tài chính	đồng	0	0	100.603.889		
3	Chi phí QLDN	đồng	29.383.330.000	27.063.672.687	29.822.400.446		
4	Chi phí khác	đồng		726.675.266	661.189.276		
III	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.300.527.000	6.255.785.463	5.778.769.059	92,37	109,02
IV	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.240.421.600	4.857.719.058	4.248.547.982	87,46	100,19
V	Tỷ lệ trả cổ tức	%	12%	13%	12%	92,31	100,00
VI	Quỹ lương BQ NLD	đồng	103.074.707.000	102.034.000.000	106.895.359.173	104,76	103,71
VII	Số người lao động BQ	người	762	739,5	728,6	98,53	95,62
VIII	Mức tiền lương BQ NLD	đ/ng/thg	11.272.000	11.498.000	12.226.100	106,33	108,46
IX	Vốn điều lệ	đồng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00	100,00

2. Thực hiện các nội dung công tác khác:

Các nội dung công tác theo Nghị quyết của ĐHĐCD giao, HĐQT đã triển khai, tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định, cụ thể như sau:

- Thống nhất chấp thuận hợp đồng, phụ lục hợp đồng, thanh lý hợp đồng về việc đặt hàng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2025 giữa Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.

- Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2025 là Công ty TNHH kiểm toán và định giá Quốc tế.

- Thống nhất các nội dung để trình ĐHĐCD thảo luận và thông qua tại cuộc họp này các vấn đề như: Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; Phân phối lợi nhuận và Lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Tình hình nhân sự:

HĐQT Công ty năm 2025, gồm có 03 thành viên:

- Ông Bùi Văn Quang - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Phạm Nguyễn Chiến - Thành viên HĐQT;
- Ông Đặng Anh Tuấn - Thành viên HĐQT.

2. Tình hình hoạt động:

2.1. Công tác quản trị Công ty:

- Trong Quý I/2025, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy giúp việc chuẩn bị tốt các nội dung công tác, nhất là việc xây dựng các tài liệu (*Báo cáo, Tờ trình*) bảo đảm tính xác thực và định hướng đúng đắn để ĐHĐCĐ thảo luận và thống nhất thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2025, với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp đối với các vấn đề theo Chương trình cuộc họp đề ra.

- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến bằng phiếu biểu quyết các thành viên gồm có: 33 lần, đã ban hành 15 Nghị quyết và 18 Quyết định để thống nhất các chủ trương, định hướng làm cơ sở pháp lý cho công tác quản trị, chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty.

- Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, công tác theo Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT. Theo đó, đã chỉ đạo tổ chức thực hiện, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 đạt được các chỉ tiêu chủ yếu về sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các công tác của Công ty.

- Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ công tác quý trước, xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục và giao kế hoạch, nhiệm vụ công tác quý sau để Giám đốc Công ty triển khai, tổ chức thực hiện.

- Các thành viên HĐQT được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban sản xuất và tiếp nhận đầy đủ các Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD hàng quý của Giám đốc Công ty. Qua đó, nắm bắt được những khó khăn, vướng mắc trong công tác chỉ đạo, điều hành, từ đó đã cùng với Ban Giám đốc thảo luận, bàn bạc để đưa ra các giải pháp tháo gỡ kịp thời, đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo bộ máy giúp việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty nhằm bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông như: Nhận cổ tức đúng thời gian quy định; Nắm bắt đầy đủ các thông tin công bố theo quy định một cách trung thực, minh bạch.

- Các thành viên HĐQT luôn thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ, công tác theo sự phân công.

2.2. Công tác giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và thực hiện nhiệm vụ của các phòng chuyên môn:

Thông qua việc giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành của Giám đốc và việc thực hiện nhiệm vụ của người quản lý Công ty, HĐQT đánh giá cao tinh thần chủ động, tích cực của Ban Giám đốc trong việc triển khai, tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ, công tác theo Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT với những nội dung chủ yếu, như sau:

- Tổ chức thực hiện và hoàn thành các công tác như: Quản lý kỹ thuật cầu đường; Quản lý đường ngang; Lối đi tự mở và bảo đảm ATGTĐS, ANTT; Kế hoạch và vật tư; Quản lý tài chính; Tổ chức, hành chính và Y tế.

- Chỉ đạo, điều hành các phòng chuyên môn và các đơn vị hiện trường triển khai, tổ chức thực hiện, hoàn thành 100% khối lượng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt theo hợp đồng đặt hàng với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam,

bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả; Quan tâm chỉ đạo sâu sát công tác sửa chữa đường xấu, chống xóc lắc; Giữ ổn định trạng thái, chất lượng cầu đường và duy trì tốc độ chạy tàu bình quân 78,78 km/h, theo đúng quy định công lệnh tốc độ. Đặc biệt, trong công tác phòng chống bão lũ, khắc phục hậu quả thiên tai do ảnh hưởng của cơn bão số 13 ngày 06/11/2025 và mưa lớn gây lũ lụt trên diện rộng tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Khánh Hòa, Ban điều hành Công ty đã cùng với người lao động nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, khắc phục nhanh chóng những hư hỏng cầu, đường sắt tại nhiều vị trí thuộc phạm vi quản lý của Công ty.

- Chỉ đạo, tổ chức thi công hoàn thành các gói thầu ngoài hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt bảo đảm đúng tiến độ, đạt yêu cầu chất lượng và lập đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán đối với các gói thầu nêu trên.

- Trong công tác bảo đảm an toàn giao thông đường sắt: Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị hiện trường và trực tiếp thực hiện kiểm tra công tác tuần thú, chốt gác đường ngang; Thường xuyên áp máy kiểm tra đường; Chủ động trong công tác phòng chống bão lũ, ứng phó sự cố thiên tai, kịp thời phát hiện và tổ chức tốt công tác khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra. Năm 2025, Công ty đã giữ vững ATCT, không để xảy ra sự cố, tai nạn chạy tàu do chủ quan.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo đúng quy định pháp luật về: Lao động, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; Cải thiện điều kiện làm việc; Quan tâm chăm lo đời sống cho người lao động như: Thu nhập bình quân của NLD trong năm 2025 đạt được: 12.226.100 đồng/người/tháng, tăng 8,46% so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua; Tổ chức các đoàn tham quan, du lịch, thu hút đồng đảo NLD tham gia; Cải thiện điều kiện làm việc;

IV. KẾ HOẠCH SXKD, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD đạt được trong năm 2025;

Trên cơ sở nhận định tình hình hoạt động SXKD năm 2026, có thể có những khó khăn và thuận lợi nhất định, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất đề ra Kế hoạch SXKD và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

1. Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển:

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/TH 2025
1	Doanh thu	Nghìn đồng	271.515.838	298.804.837	110,05%
	<i>Công ích</i>	Nghìn đồng	<i>228.788.850</i>	<i>230.764.482</i>	
	<i>Ngoài công ích</i>	Nghìn đồng	<i>42.726.988</i>	<i>68.040.355</i>	
2	Chi phí	Nghìn đồng	265.737.069	292.956.723	110,24%

3	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn đồng	5.778.769	5.848.114	101,20%
4	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	4.248.548	4.299.531	101,20%
5	Vốn điều lệ	Nghìn đồng	20.000.000	20.000.000	100,00%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	12%	12%	100,00%
7	Số người lao động bình quân	Người	728,6	732	100,46%
8	Mức tiền lương bình quân người lao động/tháng	Nghìn đồng/người/tháng	12.226	13.453	110,02%

1.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Tổng số tiền mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện phục vụ SXKD: 2.280.000.000 đồng, bao gồm:

Stt	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy toàn đạc điện tử Leica TS07 5"R500.	Máy	1
2	Xe ô tô 7 chỗ.	Chiếc	1
3	Máy chèn đường cảm tay.	Bộ	8

2. Phương hướng hoạt động:

Năm 2026, HĐQT tập trung đẩy mạnh một số hoạt động như sau:

- Triển khai, xây dựng các chủ trương, định hướng hoạt động SXKD và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, công tác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thống nhất thông qua.

- Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 28-NQ/ĐU ngày 21/02/2025 của Đảng ủy Tổng công ty ĐSVN về phấn đấu tăng trưởng từ 8% trở lên trong SXKD năm 2025 và tăng trưởng 2 con số trong những năm tiếp theo; Nghị quyết số 29-NQ/ĐU ngày 20/3/2025 của Đảng ủy Tổng công ty ĐSVN về thực hiện chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, Dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

- Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy giúp việc triển khai, tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ SXKD, đạt được các chỉ tiêu chủ yếu về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cổ tức theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT và bảo đảm ATGTĐS, ATLĐ, ANTT, PCCN trên toàn tuyến đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Công ty.

- Quan tâm công tác đào tạo: Mở lớp đào tạo Trung cấp nghề xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt; tiếp tục lựa chọn, cử người lao động tham gia các lớp đào tạo đường sắt tốc độ cao để chuẩn bị nguồn nhân lực có thể tham gia thực

hiện Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, Dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và các dự án đường sắt khác; Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn theo quy hoạch nhằm bảo đảm tính kế thừa và phát huy vai trò, năng lực trong công tác lãnh đạo, quản trị và điều hành Công ty.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định các vấn đề được ĐHĐCĐ giao và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Quan tâm đến quyền lợi hợp pháp của các cổ đông như: Trả cổ tức đúng thời gian quy định; Tiếp nhận đầy đủ các thông tin liên quan đến cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của NLD Công ty.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT Công ty, kính trình ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

Khánh Hòa, ngày tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh ban hành kèm theo Quyết định số 155/QĐ-ĐSPK-BKS ngày 26/5/2021,

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh được tổ chức ngày 26/5/2021 đã bầu được Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 với 03 thành viên. Danh sách như sau:

- + Ông: Nguyễn Dũng Hưng - Trưởng Ban kiểm soát
- + Bà: Nguyễn Thị Việt Phương - Thành viên Ban kiểm soát
- + Ông: Hoàng Nam Cao - Thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện theo Thông báo số 566/TB-ĐSPK ngày 29/7/2021 của Ban Kiểm soát về việc phân công nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2025. Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

1. Thẩm định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh năm 2025 đã được thực hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2025 và đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế thực hiện kiểm toán.

Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết ĐHĐCĐ giao năm 2025, thực hiện như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch ĐHDCĐ	Thực hiện 2025	So với Kế hoạch (%)
1	Doanh thu	đồng	264.947.413.000	271.515.837.658	102,5%
2	Tổng chi phí	đồng	259.646.886.000	265.737.068.599	102,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.300.527.000	5.778.769.059	109,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.240.421.000	4.248.547.982	100,2%
5	Vốn điều lệ	đồng	20.000.000.000	20.000.000.000	100,0%
6	Cổ tức	%	12	12	100,0%
7	Lao động bình quân	Người	762	728,6	95,6%
8	Tiền lương BQ NLD	đồng/ng/th	11.272.000	12.226.100	108,5%

Năm 2025, Công ty vẫn phải chịu nhiều tác động của thị trường, tiếp tục hoàn thiện, nâng cao công tác quản lý, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện lực lượng lao động thiên về biến động giảm, công tác tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn,... nhưng Công ty đã nỗ lực hết mình trong quản lý, giám sát, điều hành, bố trí hợp lý cơ cấu lao động, chiết giảm chi phí,... nên vẫn đảm bảo đạt và vượt kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2025 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính và đã được Tổng công ty ĐSVN chấp thuận.

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo quy định. Công tác báo cáo, công bố thông tin được thực hiện theo quy định.

- Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025: Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số liệu cụ thể như sau:

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025
A	TÀI SẢN:		
I	Tài sản ngắn hạn	105.512.292.454	116.490.817.890
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	7.096.091.241	11.430.374.488
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	87.890.552.924	88.892.729.935
4	Hàng tồn kho	8.928.156.804	14.016.071.219
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.597.491.485	2.151.642.248
II	Tài sản dài hạn	18.069.195.789	10.040.924.962
1	Các khoản phải thu dài hạn	136.576.306	
2	Tài sản cố định	8.836.044.974	6.487.289.924
	- Tài sản cố định hữu hình	8.715.515.272	6.366.760.222
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình	120.529.702	120.529.702
3	Bất động sản đầu tư	6.841.777.177	

TT	Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025
4	Tài sản dở dang dài hạn		
5	Đầu tư tài chính dài hạn	200.000.000	200.000.000
6	Tài sản dài hạn khác	2.054.797.332	3.353.635.038
	Tổng cộng Tài sản:	123.581.488.243	126.531.742.852
B	NGUỒN VỐN:		
I	Nợ phải trả	94.405.471.766	97.502.897.451
1	Nợ ngắn hạn	89.534.228.389	97.502.897.451
2	Nợ dài hạn	4.871.243.377	
II	Vốn chủ sở hữu	29.176.016.477	29.028.845.401
1	Vốn chủ sở hữu	29.176.016.477	29.028.845.401
	- Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
	- Chính lệch đánh giá lại tài sản		
	- Quỹ đầu tư phát triển	4.318.297.419	4.780.297.419
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.857.719.058	4.248.547.982
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	Tổng cộng nguồn vốn:	123.581.488.243	126.531.742.852

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	01/01/2025	31/12/2025
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14,62%	7,94%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85,38%	92,06%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	76,39%	77,06%
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	23,61%	22,94%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,08	1,05
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn /Nợ ngắn hạn)	Lần	1,18	1,19
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	1,98%	1,56%
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản(ROA)	%	3,93%	3,36%
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	19,98%	17,14%

- Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ SXKD; đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Về các chỉ tiêu hiệu quả ROA & ROE: ổn định ở mức tương đối cao qua các năm 2024&2025.

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,19 (đảm bảo lớn hơn 1 lần) và chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh là 1,05 cho thấy tình hình thanh khoản tạm ổn.

- Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, theo từng hợp đồng, có phân loại tuổi nợ chi tiết thể hiện sự chủ động trong phân loại, xử lý các khoản công nợ này, đảm bảo không gây ảnh hưởng đột biến tới kết quả kinh doanh hàng năm.

- Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán và nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế.

4. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

4.1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Giám đốc trong năm 2025

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Giám đốc của Công ty trong năm 2025, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty. Các kết luận của các đoàn kiểm tra được HĐQT, Giám đốc tiếp thu và chỉ đạo tổ chức triển khai theo các yêu cầu đề ra.

Báo cáo hoạt động của HĐQT, Giám đốc đã phản ánh đầy đủ các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2025 về các mặt của Công ty.

4.2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Tổ chức triển khai thực hiện bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Nhìn chung trong năm 2025, HĐQT và Giám đốc Công ty đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCD, Nghị quyết HĐQT,... Các đơn vị trực thuộc, phòng/ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

4.3. Các hoạt động công tác khác:

Các quy trình hoạt động của Công ty về cơ bản tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của CB CNLĐ được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

+ Ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động. Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CB CNLĐ; thực hiện nâng bậc, nâng lương đúng quy định.

+ Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định; các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, tử trần, ốm đau, bệnh tật được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty.

Các tổ chức chính trị xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026:

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, Ban kiểm soát xây dựng chương trình kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2026 với những nội dung sau:

1. Giám sát hoạt động sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026:

1.1. Giám sát việc trích lập các quỹ, phân chia cổ tức theo Phương án phân phối lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên chấp thuận;

1.2. Giám sát tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

1.3. Giám sát việc tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ.

2. Nhiệm vụ giám sát thường xuyên:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

- Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án;

- Tham gia phối hợp với đơn vị Kiểm toán độc lập theo kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026. Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên 2027.

- Tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục rà soát bổ sung, sửa đổi hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế nội bộ phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan và tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

- Tiếp tục tổ chức vận động, giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về an toàn chạy tàu, an toàn lao động và tăng cường công tác giám sát kiểm tra an toàn nhằm giảm thiểu tối đa tai nạn các mặt.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể; duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2025 và chương trình hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh hôm nay, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của Ban kiểm soát.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHDGD;
- HĐQT, Ban GD Cty;
- Lưu: BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN,**



Nguyễn Dũng Hưng

Nguyễn Dũng Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-ĐSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Điều lệ Công ty như sau:

Các điều khoản đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung các điều khoản đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung các điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý để sửa đổi, bổ sung
Đoạn mở đầu của Điều lệ Công ty.	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi: <i>1. Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công</i>	Đoạn mở đầu này được sửa đổi, bổ sung theo đoạn mở đầu của Văn bản hợp nhất số 67/VBHN-VPQH ngày 15/8/2025 của Văn phòng Quốc hội.

		<p>tu, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022 (sau đây gọi tắt là Luật số 03/2022/QH15);</p> <p>2. Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 (sau đây gọi tắt là Luật số 76/2025/QH15).</p>	
Điểm a khoản 1 Điều 1 của Điều lệ Công ty.	a) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	a) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 của Quốc hội.	
Điểm r khoản 1 Điều 1 của Điều lệ Công ty.	r) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.	r) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.	Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 1 Điều 1 của Luật 76/2025/QH15.
Khoản 4 Điều 2 của Điều lệ Công ty.	4. Trụ sở chính: Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	4. Trụ sở chính: Số 02 đường Yersin, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Khoản này được sửa đổi theo khoản 49 Điều 1 của Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH15

			ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa.
Đoạn quy định về Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân - khoản 3 Điều 3 của Điều lệ Công ty.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Khoản 3 Điều này.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 3 Điều này	Đoạn này được sửa đổi, bổ sung theo khoản 4 Điều 1 của Luật số 76/2025/QH15.
Điểm a khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Mã ngành 5510. Cung ứng lao động tạm thời - Mã ngành 7820.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác - Mã ngành 5520. Cung ứng lao động tạm thời - Mã ngành 7821.	Tên và mã ngành, nghề kinh doanh này được sửa đổi theo QĐ 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành hệ thống kinh tế Việt Nam.
Điểm a khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty.	a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của	a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người	Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo khoản 21 Điều 1 của Luật 76/2025/QH15.

	Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	sở hữu chứng khoán của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	
Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này.	Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo khoản 5 Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15.
Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.	Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo khoản 5 Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15.
Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có	Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo khoản 6 Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-ĐSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	5.778.769.059
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.248.547.982
3	Lợi nhuận phân phối	Đồng	4.248.547.982
3.1	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đồng	0
3.2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	127.000.000
3.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	1.496.547.982
	- <i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>Đồng</i>	<i>740.000.000</i>
	- <i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>Đồng</i>	<i>756.547.982</i>
3.4	Quỹ thưởng ban điều hành	Đồng	225.000.000
3.5	Chia cổ tức bằng tiền, trong đó:	Đồng	2.400.000.000

	- Cổ tức phần vốn Nhà nước	Đồng	1.224.000.000
	- Cổ tức các cổ đông khác	Đồng	1.176.000.000
*	Tỷ lệ cổ tức (% năm)		12%

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	5.848.114.000
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.299.531.000
3	Lợi nhuận phân phối	Đồng	4.299.531.000
3.1	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đồng	0
3.2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	86.000.000
3.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	1.545.531.000
	- Quỹ khen thưởng	Đồng	770.000.000
	- Quỹ phúc lợi	Đồng	775.531.000
3.4	Quỹ thưởng ban điều hành	Đồng	268.000.000
3.5	Chia cổ tức bằng tiền, trong đó:	Đồng	2.400.000.000
	- Cổ tức phần vốn Nhà nước	Đồng	1.224.000.000
	- Cổ tức các cổ đông khác	Đồng	1.176.000.000
*	Tỷ lệ cổ tức (% năm)		12%

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang
Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc: Lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025
và Kế hoạch năm 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-DSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-DSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông, thảo luận và thông qua các vấn đề về: Lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và Kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 của người lao động và người quản lý Công ty, như sau:

I. Thực hiện năm 2025:

1. Lao động bình quân năm thực tế sử dụng: 736,6 người (trong đó Người lao động 728,6 người, Ban điều hành 6 người, Chủ tịch Hội đồng quản trị : 01 người, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: 01 người).

2. Tổng quỹ lương thực hiện của Công ty: **109.683.651.573 đồng**, trong đó:

2.1. Quỹ tiền lương người lao động 106.895.359.173 đồng.

2.2. Tiền lương Ban điều hành: 1.981.264.800 đồng.

2.3. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách chuyên trách: 720.627.600 đồng

2.4. Thù lao của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách: 86.400.000 đồng.

3. Mức tiền lương thực hiện theo chức danh (*đồng/người/tháng*):

- 3.1. Mức tiền lương bình quân người lao động: 12.226.100 đồng.
- 3.2. Mức tiền lương bình quân Ban điều hành: 27.517.500 đồng.
- 3.3. Mức tiền lương của Thành viên Ban điều hành là Người đại diện phần vốn: 30.375.500 đồng.
- 3.4. Mức tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 32.848.500 đồng
- Mức tiền lương của Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: 27.203.800 đồng
4. Mức thù lao thực hiện theo chức danh (đồng/người/tháng):
 - 4.1. Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 2.400.000 đồng
 - 4.2. Mức thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách: 1.200.000 đồng.
5. Quỹ tiền thưởng, phúc lợi:
 - 5.1. Tiền thưởng, phúc lợi của người lao động: 1.496.547.982 đồng.
 - 5.2. Tiền thưởng của Ban Điều hành: 159.647.600 đồng.
 - 5.3. Tiền thưởng của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: 57.427.400 đồng.
 - 5.4. Tiền thưởng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách: 7.925.000 đồng.

II. Kế hoạch năm 2026:

1. Lao động bình quân năm kế hoạch: 740 người (trong đó Người lao động 732 người, Ban điều hành 6 người, Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01 người, Kiểm soát chuyên trách: 01 người).
2. Tổng quỹ lương kế hoạch của Công ty: **121.183.844.000 đồng**, trong đó:
 - 2.1. Quỹ tiền lương người lao động 118.166.684.000 đồng.
 - 2.2. Tiền lương Ban điều hành: 2.195.160.000 đồng.
 - 2.3. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát: 732.000.000 đồng.
 - 2.4. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách: 90.000.000 đồng.
3. Mức tiền lương kế hoạch theo chức danh (đồng/người/tháng):
 - 3.1. Mức tiền lương bình quân người lao động: 13.452.000 đồng.
 - 3.2. Mức tiền lương bình quân Ban điều hành: 30.488.000 đồng.
 - 3.3. Mức tiền lương của Thành viên Ban điều hành là Người đại diện phần vốn: 33.560.000 đồng.
 - 3.4. Mức tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 37.000.000 đồng.
 - 3.5. Mức tiền lương của Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát: 24.000.000 đồng.

4. Mức thù lao thực hiện theo chức danh (đồng/người/tháng):

4.1. Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 2.500.000 đồng.

4.2. Mức thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách: 1.250.000 đồng.

5. Quỹ tiền thưởng, phúc lợi:

5.1. Tiền thưởng, phúc lợi của người lao động: 1.545.531.000 đồng.

5.2. Tiền thưởng của Ban Điều hành: 193.416.000 đồng.

5.3. Tiền thưởng của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên chuyên trách: 65.402.000 đồng.

5.4. Tiền thưởng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách: 9.182.000 đồng.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang
Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-ĐSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty bảo đảm đầy đủ các tiêu chí như sau:

1. Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Bộ Tài Chính chấp thuận hoạt động trong lĩnh vực tư vấn tài chính kế toán, kiểm toán và thẩm định giá;
2. Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán báo cáo tài chính;
3. Có mức chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đối với cổ đông là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-DSPK ngày 25/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06-26/NQ-DSPK ngày 30/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, về việc thông qua các nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với cổ đông là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

